

HỘI SINH VIÊN VIỆT NAM
BCH TP. HỒ CHÍ MINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 6 năm 2012

Số: 27/TB-BTK

THÔNG BÁO

**Kết quả thi đua công tác Hội và phong trào sinh viên Thành phố
năm học 2011 – 2012**

Căn cứ hướng dẫn đánh giá, phân loại cơ sở Hội Sinh viên năm học 2011 – 2012, căn cứ kết luận của Hội nghị Ban Thư ký Hội Sinh viên Thành phố, Ban Thư ký Hội Sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất đánh giá điểm thi đua và phân loại công tác Hội và phong trào sinh viên các trường trực thuộc Hội Sinh viên Thành phố năm học 2011 – 2012 như sau:

TT	ĐƠN VỊ	A	B	C	D	E	Tổng	%	XL
Cụm thi đua số 1									
1.	ĐH Kinh tế TP.HCM	192,0	461,5	177,0	75,5	4,0	910,0	91,00	XS
2.	ĐH Khoa học Tự Nhiên	191,0	451,5	183,0	72,5	5,0	903,0	90,30	XS
3.	ĐH Bách khoa	178,0	447,0	178,0	77,5	8,0	888,5	88,85	XS
4.	ĐH Giao thông vận tải TP.HCM	175,0	422,0	187,0	73,0	1,0	858,0	85,80	XS
5.	ĐH Sài Gòn	176,0	431,0	175,0	73,0	2,0	857,0	85,70	XS
6.	ĐH Mở TP.HCM	180,0	428,0	177,0	69,0	1,0	855,0	85,50	XS
7.	ĐH Sư phạm kỹ thuật TP.HCM	177,0	419,5	180,0	72,0	4,0	852,5	85,25	XS
8.	ĐH Nông Lâm TP.HCM	182,0	430,5	173,0	65,0	1,0	851,5	85,15	XS
9.	ĐH Quốc tế Hồng Bàng	176,0	423,0	176,0	70,0	6,0	851,0	85,10	XS
10.	ĐH Khoa học xã hội & Nhân văn	177,0	432,2	176,5	64,5	0	850,2	85,02	XS
11.	ĐH Tôn Đức Thắng	179,0	418,5	168,0	64,0	0	829,5	82,95	TT
12.	ĐH Văn Lang	152,0	381,5	180,0	71,5	4,0	789,0	78,90	TT
13.	ĐH Công nghiệp TP.HCM	153,0	357,0	155,0	61,0	0	726,5	72,65	TT
Cụm thi đua số 2									
14.	ĐH Ngân Hàng TP. HCM	198,2	455,2	180,4	75,1	0	908,9	90,89	XS
15.	ĐH Luật TP. HCM	191,6	461,7	183,6	69,2	0	906,1	90,61	XS
16.	ĐH Kinh Tế - Luật	201,0	445,5	178,9	71,9	0	897,3	89,73	XS
17.	ĐH Tài chính - Marketing	205,6	432,9	174,8	62,6	0	875,9	87,59	XS
18.	ĐH Y dược TP. HCM	182,6	444,8	167,9	72,8	0	868,1	86,81	XS
19.	ĐH Kỹ thuật công nghệ TP. HCM	179,0	428,7	183,4	73,6	0	864,7	86,47	XS
20.	ĐH Hùng Vương TP.HCM	182,2	436,4	175,0	67,8	0	861,4	86,14	XS
21.	ĐH Hoa Sen	185,8	436,8	173,9	62,3	0	858,8	85,88	XS
22.	ĐH Sư phạm TP.HCM	186,2	427,6	172,4	68,9	0	855,1	85,51	XS
23.	ĐH Công nghệ Sài Gòn	186,0	422,4	175,1	66,5	4,0	854,0	85,40	XS

24.	ĐH Ngoại ngữ- Tin học TP. HCM	172,8	446,7	172,1	60,5	0	852,1	85,21	XS
25.	ĐH Kiến trúc TP. HCM	171,8	398,9	169,4	60,5	0	800,6	80,06	TT
26.	ĐH Nguyễn Tất Thành	128,8	341,5	150,0	56,5	0	676,8	67,68	K
Cụm thi đua số 3									
27.	ĐH Ngoại thương CS2	187,2	414,6	190,0	74,1	6,0	872,5	87,25	XS
28.	ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	170,4	437,1	184,2	69,5	4,0	865,2	86,52	XS
29.	HV Hành chính CS TP.HCM	189,0	429,0	170,8	69,7	0	858,5	85,85	XS
30.	ĐH Sư Phạm TDTT TP. HCM	176,4	369,2	153,8	55,2	0	754,6	75,46	TT
31.	ĐH Văn Hóa TP. HCM	143,8	338,9	146,1	48,0	0	676,8	67,68	K
32.	ĐH Giao thông vận tải CS 2	99,0	296,7	103,9	44,6	0	544,2	54,42	TB
33.	ĐH Văn Hiến	120,0	190,0	80,0	39,7	0	429,7	42,97	Y
34.	ĐH Mỹ thuật TP. HCM	79,2	229,5	52,7	24,3	0	385,7	38,57	Y
35.	ĐH Thủy lợi CS 2	52,0	221,2	68,5	26,5	0	368,2	37,47	Y
36.	HV Hàng không Việt Nam	18,0	154,2	50,4	32,2	0	254,8	25,48	Y
Cụm thi đua số 4									
37.	CĐ Sư phạm TW TP. HCM	196,0	423,0	168,0	68,0	8,0	863,0	86,30	XS
38.	CĐ Kỹ thuật Lý Tự Trọng	197,8	438,5	143,9	66,5	6,0	852,7	85,27	XS
39.	CĐ KT-KT Phú Lâm	210,8	409,5	161,6	60,7	8,0	850,6	85,06	XS
40.	CĐ Công nghệ Thủ Đức	176,6	433,1	172,8	59,7	8,0	850,2	85,02	XS
41.	CĐ Tài chính - Hải quan	179,8	418,5	165,2	58,0	0	821,5	82,15	TT
42.	CĐ Kỹ thuật Cao Thắng	174,6	418,8	146,7	54,6	6,0	800,7	80,07	TT
43.	CĐ Xây dựng 2	188,0	380,0	143,0	66,0	0	777,0	77,70	TT
44.	CĐ Kinh tế - Công nghệ TP.HCM	195,4	372,7	142,6	63,0	0	773,7	77,37	TT
45.	CĐ Kinh tế TP. HCM	181,0	385,0	144,5	58,0	0	768,5	76,85	TT
46.	CĐ Công nghệ thông tin TP. HCM	191,0	347,0	124,5	48,5	0	711,0	71,10	TT
47.	CĐ Nghề TP. HCM	136,0	352,0	144,0	44,0	0	676,0	67,60	K
48.	CĐ Giao thông vận tải 3	128,8	337,0	139,0	48,4	0	653,2	65,32	K
49.	CĐ Công thương TP. HCM	169,8	293,5	110,5	42,4	0	616,3	61,63	K
50.	CĐ Văn hóa – Nghệ thuật TP.HCM	71,2	223,5	93,0	28,0	0	415,7	41,57	Y

Trong đó:

- Đơn vị XS	:	28	- Đơn vị TB	:	1
- Đơn vị TT	:	11	- Đơn vị Y	:	5
- Đơn vị K	:	5			

Không phân loại (Các đơn vị đang là Ban vận động thành lập Hội hoặc mới Đại hội chính thức thành lập Hội từ tháng 12/2011 đến nay): **6**

(Gồm: ĐH Quốc tế - ĐHQG TP. HCM, ĐH Công nghệ thông tin - ĐHQG TP. HCM, CĐ Kinh tế - Đối ngoại, CĐ VHNT và Du lịch Sài Gòn, ĐH Lao động Xã hội CS 2, CĐ KT-KT Vinatex TP. HCM)

Ghi chú:

A: Kết quả triển khai 2 cuộc vận động “Sinh viên 5 tốt” và “Sinh viên xây dựng môi trường giáo dục tích cực, thân thiện, lành mạnh” (220 điểm)

B: Kết quả thực hiện 4 chương trình hành động “Sinh viên rèn luyện đạo đức, tác phong”, “Sinh viên học tập, sáng tạo”, “Sinh viên tình nguyện” và “Tư vấn, hỗ trợ sinh viên” (500 điểm)

C: Chương trình “Xây dựng Hội sinh viên Việt Nam vững mạnh” (200 điểm)

D: Công tác Chỉ đạo – phối hợp (80 điểm)

E: Điểm thưởng (10 điểm)

Sau khi xem xét kết quả thi đua, Ban Thư ký Hội Sinh viên Thành phố chọn 4 đơn vị sau là đơn vị dẫn đầu công tác Hội và phong trào sinh viên Thành phố năm học 2011 – 2012 tại 4 cụm thi đua:

- **Cụm thi đua số 1:** Hội Sinh viên Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- **Cụm thi đua số 2:** Hội Sinh viên Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
- **Cụm thi đua số 3:** Hội Sinh viên Trường ĐH Ngoại thương CS II tại TP. Hồ Chí Minh.
- **Cụm thi đua số 4:** Hội Sinh viên Trường CĐ Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam;
- Thường trực, VP;
- Sở Nội vụ TP: Đ/c Lâm Trung Nhân, Phòng Công tác thanh niên, VP;
- Ban Thi đua – khen thưởng TP;
- Các đơn vị Khối thi đua XVI;
- Ban Thường vụ Thành Đoàn;
- Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội Sinh viên Thành phố;
- Đảng ủy khối các trường ĐH-CĐ-TCCN;
- Đảng ủy ĐHQG, Đảng Ủy Sở GDĐT;
- Đảng ủy - BGH các trường;
- Đoàn - Hội Sinh viên các trường;
- Lưu: VP.

**TL. BAN THƯ KÝ HỘI SINH VIÊN TP
CHÍNH VĂN PHÒNG**



Phạm Đại Anh Tuấn